Phụ lục IX (Biểu số 54/CK-NSNN)

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA

GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 228 /QĐ-UBND ngày 15 01 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: %

STT	Đơn vị	Thuế giá trị gia tăng (*)			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế tiêu thụ đặc biệt			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế BVMT						Thu tiền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan Trung ương cấp phép			Tiền sử dụng đất (trừ tiền sđđ gắn với tài sản trên đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều 36 của Luật số 89/2025/QH15)								
														Đối với sản phẩm xăng, dầu			Đối với các nội dung khác						Do cấp tỉnh đầu tư cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất						Do cấp xã đầu tư cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất; các trường hợp khác do cấp xã trực tiếp quản lý theo quy định		
																							Dự án bắt đầu thực hiện đầu tư từ năm 2026			Các trường hợp khác do cấp tỉnh trực tiếp quản lý theo quy định					
		TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng
1	Phường Buôn Ma Thuột	-	80	20	-	80	20	-	100	-	-	80	20	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
2	Phường Tân Lập	-	55	45	-	55	45	-	100	-	-	55	45	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
3	Phường Thành Nhất	-	40	60	-	40	60	-	100	-	-	40	60	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
4	Phường Tân An	-	70	30	-	70	30	-	100	-	-	70	30	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
5	Phường Ea Kao	-	30	70	-	30	70	-	100	-	-	30	70	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
6	Xã Hòa Phú	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
7	Phường Buôn Hồ	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
8	Phường Cư Bao	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
9	Xã Ea Drông	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
10	Xã Ea Kiết	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
11	Xã Ea M'Droh	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
12	Xã Quảng Phú	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
13	Xã Cuôr Đăng	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
14	Xã Cư M'gar	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
15	Xã Ea Tul	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
16	Xã Ea Súp	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
17	Xã Ea Rốk	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
18	Xã Ea Bung	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
19	Xã Ia Rvê	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
20	Xã Ia Lốp	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
21	Xã Ea Wer	-	75	25	-	75	25	-	100	-	-	75	25	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
22	Xã Ea Nuôl	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
23	Xã Buôn Đôn	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
24	Xã Pơng Drang	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
25	Xã Krông Búk	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
26	Xã Cư Pơng	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
27	Xã Krông Năng	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
28	Xã Dliê Ya	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
29	Xã Tam Giang	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
30	Xã Phú Xuân	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
31	Xã Ea Khăl	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
32	Xã Ea Drăng	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
33	Xã Ea Wy	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
34	Xã Ea H'Leo	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
35	Xã Ea Hiao	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
36	Xã Krông Pắc	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
37	Xã Ea Knuếc	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
38	Xã Tân Tiến	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
39	Xã Ea Phê	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
40	Xã Ea Kly	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
41	Xã Vụ Bổn	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
42	Xã Ea Kar	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
43	Xã Ea Ô	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
44	Xã Ea Knốp	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
45	Xã Cư Yang	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
46	Xã Ea Pal	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
47	Xã M'Drắk	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
48	Xã Ea Riêng	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
49	Xã Cư M'ta	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
50	Xã Krông A	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
51	Xã Cư Prao	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
52	Xã Ea Trang	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
53	Xã Hòa Sơn	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
54	Xã Dang Kang	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
55	Xã Krông Bông	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
56	Xã Yang Mao	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
57	Xã Cư Pui	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
58	Xã Liên Sơn Lắk	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
59	Xã Đắk Liêng	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85

STT	Đơn vị	Thuế giá trị gia tăng (*)			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế tiêu thụ đặc biệt			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế BVMT						Thu tiền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan Trung ương cấp phép			Tiền sử dụng đất (trừ tiền sdđ gắn với tài sản trên đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều 36 của Luật số 89/2025/QH15)								
														Đối với sản phẩm xăng, dầu			Đối với các nội dung khác						Do cấp tỉnh đầu tư cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất						Do cấp xã đầu tư cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất; các trường hợp khác do cấp xã trực tiếp quản lý theo quy định		
																							Dự án bắt đầu thực hiện đầu tư từ năm 2026			Các trường hợp khác do cấp tỉnh trực tiếp quản lý theo quy định					
		TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Xã hưởng
60	Xã Nam Ka	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
61	Xã Đắk Phơi	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
62	Xã Krông Nô	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
63	Xã Ea Ning	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
64	Xã Dray Bhăng	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
65	Xã Ea Ktur	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
66	Xã Krông Ana	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
67	Xã Dur Kmăl	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
68	Xã Ea Na	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
69	Phường Tuy Hòa	-	50	50	-	50	50	-	100	-	-	50	50	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
70	Phường Phú Yên	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
71	Phường Bình Kiến	-	40	60	-	40	60	-	100	-	-	40	60	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
72	Phường Đông Hòa	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
73	Phường Hòa Hiệp	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
74	Xã Hòa Xuân	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
75	Xã Phú Hòa 1	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
76	Xã Phú Hòa 2	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
77	Xã Tây Hòa	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
78	Xã Hòa Thịnh	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
79	Xã Hòa Mỹ	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
80	Xã Sơn Thành	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
81	Xã Tuy An Bắc	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
82	Xã Tuy An Đông	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
83	Xã Ô Loan	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
84	Xã Tuy An Nam	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
85	Xã Tuy An Tây	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
86	Xã Xuân Lãnh	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
87	Xã Phú Mỡ	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
88	Xã Xuân Phước	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
89	Xã Đồng Xuân	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
90	Xã Sơn Hòa	-	40	60	-	40	60	-	100	-	-	40	60	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
91	Xã Vân Hòa	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
92	Xã Tây Sơn	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
93	Xã Suối Trai	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
94	Xã Ea Ly	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
95	Xã Ea Bá	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
96	Xã Đức Bình	-	50	50	-	50	50	-	100	-	-	50	50	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
97	Xã Sông Hinh	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
98	Phường Xuân Đài	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
99	Phường Sông Cầu	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
100	Xã Xuân Thọ	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
101	Xã Xuân Cảnh	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85
102	Xã Xuân Lộc	-	-	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	40	60	-	-	100	-	70	30	-	15	68	17	15	85	-	15	-	85

(*) Riêng việc phân bổ hạch toán thu thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh được quy định như sau:

Trường hợp công trình xây dựng cơ bản trong cùng một tỉnh do nhà thầu trong tỉnh thực hiện: Đối với công trình liên xã, phường: thực hiện hạch toán thu ngân sách cho xã, phường nơi nhà thầu đóng trụ sở chính và thực hiện điều tiết theo tỷ lệ quy định trên; Đối với công trình ở xã, phường khác với nơi nhà thầu đóng trụ sở: thực hiện hạch toán thu ngân sách cho xã, phường nơi có công trình xây dựng và thực hiện điều tiết theo tỷ lệ quy định trên.

Trường hợp công trình xây dựng cơ bản do nhà thầu ngoài tỉnh (trụ sở chính ở tỉnh khác) thực hiện: Xã khai thuế và hạch toán 100% vào thu ngân sách cấp tỉnh.